TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 485/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2018
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thương
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Liên Hương
Bà Hoàng Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình,Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1170/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1974. Cư trú tại: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn V1, sinh năm 1966. Cư trú tại: đường E, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu V trình bày: Bà và ông Nguyễn Tuấn V1 chung sống từ năm 1997 đến năm 1999 mới đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông V1 không quan tâm gia đình, vợ chồng có những bất đồng trong cuộc sống không thể giải quyết được và đã sống ly thân từ năm 2016, đôi bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà xác định tình cảm không còn, khả năng hàn gắn không có nên yêu cầu được ly hôn ông V1 để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 8/8/2002. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông V1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn ly hôn.

Về phía bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin ly hôn đối với bị đơn, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại quận Tân Bình, căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 58 do Ủy ban nhân dân Phường F, quận G cấp ngày 02/7/1999 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.2] Qua trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra, đôi bên đã không giải quyết được mâu thuẫn mà lại chọn cách sống ly thân, mạnh ai nấy sống không còn sự quan tâm lẫn nhau, từ đó làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Về phía bị đơn, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Như vậy, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 8/8/2002 hiện do nguyên đơn đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con, cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ; Yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3,4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 35, 39, 147, 177; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 ; 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Tuấn V1.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Gia H, sinh ngày 8/8/2002 cho bà Nguyễn Thị Thu V trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông V1 do bà V không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007350 ngày 29/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà V đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận
- TAND TP.HCM;
- THADS Q.TB;
- UBND Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Kim Thương